

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

HUỶNH ĐỊNH TÌNH

**CÁC TỘI XÂM PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ
BẢO VỆ RỪNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. MAI HẢI ĐĂNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG, QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG	7
1.1. Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam	7
1.1.1. Rừng, vai trò của rừng đối với đời sống	7
1.1.2. Vai trò của rừng đối với đồng bào sống trên địa bàn Đắk Lắk	10
1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng	13
1.2.1. Cơ sở pháp lý về quản lý và bảo vệ rừng	13
1.2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam từ 1945- 1975	16
1.2.3. Quy định của pháp luật Việt Nam từ 1975- Nay.....	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	22
Chương 2: CÁC TỘI XÂM PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	23
2.1. Khái quát chung các tội xâm phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng	23
2.1.1. Khái quát về các tội xâm phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng	23
2.1.2. Dấu hiệu pháp lý các tội phạm về quản lý và bảo vệ rừng.....	24
2.2. Tình hình tội phạm xâm phạm các quy định về quản lý và khai thác rừng	34
2.2.1. Tình hình các tội phạm vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn cả nước	34
2.2.2. Tội phạm trên địa bàn Đắk Lắk.....	37
2.3. Thực trạng xét xử các tội phạm về quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn Đắk Lắk	40
2.3.1. Thực trạng các tội vi phạm quản lý và bảo vệ rừng	40
2.3.2. Thực trạng áp dụng pháp luật	43

Chương 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG.....	45
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng	45
3.2. Một số đề xuất, khuyến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng	56
KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	70

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, tình hình tội phạm xâm phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng có chiều hướng gia tăng, đặc biệt là tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Số lượng các vụ án hình sự đã được điều tra, truy tố và đưa ra xét xử chưa phản ánh hết được thực trạng phá rừng, khai thác rừng, vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép. Bởi theo quy định của Bộ luật Hình sự thì người vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng chỉ bị xử lý hình sự nếu hành vi của họ gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc họ đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà vẫn còn vi phạm. Đồng thời một số quy định của Bộ luật hình sự về các tội này còn chưa thực sự phù hợp với thực tiễn đấu tranh chống tội phạm và chưa đủ sức răn đe đối với loại tội phạm nguy hiểm này. Để quản lý tốt hơn nguồn tài nguyên rừng của đất nước, thiết nghĩ cần sớm có những quy định sửa đổi theo hướng nghiêm khắc hơn và chặt chẽ hơn đối với các quy định về tội phạm vi phạm các quy định về quản lý và bảo rừng.

Ở nước ta, trong Nghị Quyết số 48- NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đưa ra là cần phải hoàn thiện pháp luật về tài nguyên và môi trường theo nguyên tắc quản lý chặt chẽ, phát triển bền vững, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; với mục tiêu chiến lược là cải thiện chất lượng môi trường. Đến năm 2020, tỉ lệ che phủ rừng đạt 45%. Đối với vùng trung du, miền núi: Phát triển mạnh sản xuất lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc tạo thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, trước hết là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Bảo vệ và phát triển rừng

Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định, Việt Nam có khoảng hơn 13.862 nghìn ha rừng, trong đó có hơn 10.424 nghìn ha rừng tự nhiên. Chỉ tính từ năm 2007 đến 2013, đã có hơn 12.600 ha rừng bị chặt phá trái phép, trung bình mỗi năm gần 1.900 ha rừng bị chặt phá.

Tỉnh Đắk Lắk là một trong 5 tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Sêrêpôk và một phần của sông Ba, độ cao trung bình 400 – 800 mét so với mặt nước biển. Tính đến ngày 31/12/2008 tổng diện tích rừng tại Đắk Lắk là 628.977ha, độ che phủ đạt 47,2% trong đó diện tích rừng tự nhiên là 574.493,4ha, rừng trồng là 54.484ha và rừng mới trồng chưa tính vào độ che phủ (< 3 tuổi) là 9.840ha. Đắk Lắk là địa bàn cư trú lâu đời của các dân tộc Êđê, M'ông, Giarai,... với nhiều phong tục, tập quán khác nhau.

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đang xảy ra tình trạng chặt phá rừng, vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép phức tạp cả về tính chất và mức độ thiệt hại. Từ đầu năm 2014 đến nay, đã phát hiện, xử lý trên 147 vụ vi phạm lâm luật. Số vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng từ năm 2009 đến nay tăng lên trên 13.300 vụ, lực lượng chức năng đã tịch thu gần 19.500 m³ gỗ các loại. Trong đó, chỉ có 137 vụ khởi tố hình sự, với 78 đối tượng, số vụ còn lại là xử lý hành chính.

Để có thêm thông tin cho các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách, và những ai quan tâm đến tình hình tội phạm vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, học viên đã chọn đề tài: ***“Các tội xâm phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)”*** làm đề tài nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu

Ở Việt Nam các công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý và bảo vệ rừng đã được nhiều học giả nghiên cứu từ những thập niên cuối của thế kỷ XX bởi các cơ quan nghiên cứu uy tín về lĩnh vực này. Các nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau: luật học, kinh tế học, địa chất, môi trường, và được xem xét trên cách khía cạnh khác nhau như: quản lý và bảo vệ rừng ảnh hưởng sức khỏe con người, thiệt hại về kinh tế, thiệt hại đối với môi trường, tác động đến hệ sinh thái vv.... các đề tài nghiên cứu liên quan đến quản lý và bảo vệ rừng trở nên hấp dẫn các nhà nghiên cứu, thu hút nguồn trí tuệ của nhiều nhà khoa học và nhiều cơ quan nghiên cứu, và là vấn đề quan tâm của cả xã hội.

Tác giả Nguyễn Thị Hải với đề tài tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong luật hình sự Việt Nam – một số vấn đề lý luận và

thực tiễn, theo đó tác giả đã nghiên cứu và phân tích lịch sử lập pháp về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Phân tích và làm rõ khái niệm, những dấu hiệu pháp lý của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, đồng thời phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác trong BLHS (176, 189, 191) nhằm áp dụng đúng đắn điều luật trong thực tiễn xét xử. Khái quát tình hình tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và thực tiễn xét xử tội phạm này trong 5 năm qua (2005-2009). Đề xuất một số giải pháp nhằm đấu tranh phòng, chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng ở nước ta một cách có hiệu quả: giải pháp về hoàn thiện pháp luật, tổ chức quản lý, kinh tế - xã hội và văn hoá - giáo dục.

Nguyễn Thị Dung cũng có đề tài nghiên cứu “*Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng trong luật hình sự Việt Nam*”, theo đó tác giả đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về tội vi phạm các quy định về quản lý rừng trong Bộ luật hình sự Việt Nam như làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý về tội vi phạm các quy định về quản lý rừng; phân biệt tội phạm này với các tội phạm khác có liên quan. Tổng hợp kết quả nghiên cứu, cũng như đánh giá những yếu tố làm cho tình hình về tội vi phạm các quy định về quản lý rừng ngày càng diễn biến phức tạp hậu quả xảy ra rất nghiêm trọng và cuối cùng tác giả đã đưa ra một số đề xuất, một số giải pháp góp phần bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về tội vi phạm các quy định về quản lý rừng trong Bộ luật Hình sự Việt Nam.

Nguyễn Thanh Huyền với đề tài “*Một số vấn đề cơ bản về pháp luật bảo vệ rừng ở Việt Nam hiện nay*” theo đó, tác giả đã chỉ ra ý nghĩa môi sinh của rừng và vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ rừng. So sánh pháp luật bảo vệ rừng ở Việt Nam với pháp luật bảo vệ rừng ở một số quốc gia khác nhằm rút ra những kinh nghiệm quý báu. Đánh giá thực trạng pháp luật bảo vệ rừng ở nước ta và đưa ra phương hướng hoàn thiện về mặt xây dựng pháp luật bảo vệ rừng cũng như cách thức thực hiện.

Tác giả Nguyễn Hải Âu đã có nghiên cứu “*Pháp luật bảo vệ môi trường rừng ở Việt Nam, thực trạng và phương hướng hoàn thiện*”

Cũng có một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này, một trong số đó có thể kể đến như cuốn “*Bình luận khoa học Bộ luật Hình*

sự Việt Nam năm 1999 giáo trình luật hình sự Việt Nam” do Uông Chu Lưu chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, 2001; Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, do TS. Trần Minh Hưởng chủ biên, Nxb Lao động, 2009; Bình luận khoa học Bộ luật *Hình sự - phần các tội phạm tập VII - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Bình luận chuyên sâu*, của Đinh Văn Quế, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2006...;

Ngoài ra, các ấn phẩm báo chí và bài viết trên tạp chí chuyên ngành cũng đề cập khá toàn diện các lĩnh vực, các khía cạnh và góc độ của bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ tài nguyên rừng nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích lí luận về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trước khi có Bộ luật hình sự năm 1999, luận văn tập trung vào các mục đích sau đây:

- Nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng;
- Các tập quán của người dân trên địa bàn Đắk Lắk về bảo vệ rừng;
- Thực tiễn xét xử các tội vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

- *Phương pháp luận phép biện chứng duy vật*
- *Phương pháp phân tích - so sánh*

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Ý nghĩa lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm sáng tỏ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, quản lý và bảo vệ rừng nói riêng.

Ý nghĩa thực tiễn: dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục về bảo vệ môi trường; đồng thời những kiến nghị, giải pháp được đưa ra có tính khả thi đối với việc xây dựng pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng, đặc biệt là việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Nội dung của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn được chia làm 3 phần, cụ thể như sau:

Chương 1. Khái quát chung về tài nguyên rừng, quản lý và bảo vệ rừng.

Chương 2. Các tội xâm phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 3. Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng.

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG, QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

1.1. Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam

1.1.1. Rừng, vai trò của rừng đối với đời sống

Rừng là một hệ sinh thái mà quần xã cây rừng giữ vai trò chủ đạo trong mối quan hệ tương tác giữa sinh vật với môi trường. Rừng có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống của con người cũng như môi trường: cung cấp nguồn gỗ, củi, điều hòa, tạo ra oxy, điều hòa nước, là nơi cư trú động thực vật và tàng trữ các nguồn gen quý hiếm, bảo vệ và ngăn chặn gió bão, chống xói mòn đất, đảm bảo cho sự sống, bảo vệ sức khỏe của con người.

Ngày nay, nhiều nơi con người đã không bảo vệ được rừng, còn chặt phá bừa bãi làm cho tài nguyên rừng khó được phục hồi và ngày càng bị cạn kiệt, nhiều nơi rừng không còn có thể tái sinh, đất trở thành đồi trọc, sa mạc, nước mưa tạo thành những dòng lũ rửa trôi chất dinh dưỡng, gây lũ lụt, sạt lở cho vùng đồng bằng gây thiệt hại nhiều về tài sản, tính mạng người dân. Vai trò của rừng trong việc bảo vệ môi trường đang trở thành vấn đề thời sự và lôi cuốn sự quan tâm của toàn thế giới.

- Rừng giữ không khí trong lành
- Rừng điều tiết nước, phòng chống lũ lụt, xói mòn
- Rừng bảo vệ độ phì nhiêu và bồi dưỡng tiềm năng của đất
- Rừng cung cấp cho con người dưỡng khí, lương thực, thực phẩm

Để môi trường sống của chúng ta không bị hủy hoại thì chúng ta phải quản lý và bảo vệ, phát triển trồng rừng. Thực tế hiện nay, việc vi phạm các quy định quản lý về khai thác, bảo vệ rừng hiện nay xảy ra hết sức phức tạp với những thủ đoạn tinh vi, hậu quả của tội phạm gây ra hết sức nặng nề, không những ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, mà trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường sống của chúng ta.

1.1.2. Vai trò của rừng đối với đồng bào sống trên địa bàn Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk là một trong 5 tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Sêrêpôk và một phần của sông Ba, độ cao trung bình 400 – 800 mét so với mặt nước biển. Phía Đông của Đắk Lắk giáp Phú Yên và Khánh Hoà, phía Nam giáp Lâm Đồng và Đắk Nông, phía Tây giáp Campuchia với đường biên giới dài 193 km, tỉnh Gia Lai nằm ở phía Bắc.

Tỉnh Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 1 thành phố, 1 thị xã và 13 huyện. Trong đó có 184 đơn vị hành chính cấp xã, gồm có 152 xã, 20 phường và 12 thị trấn.

Bảng 1.1. Danh sách đơn vị hành chính của tỉnh Đắk Lắk

Tên	Dân số (người)	Tên	Dân số (người)
<i>Thành phố</i>		Krông Ana	81.010
Buôn Ma Thuột	326.135	M'Drăk	65.094
<i>Thị xã</i>		Lắk	59.954
Buôn Hồ	96.685	Ea Kar	141.331
Ea Súp	58.579	Ea H'leo	120.968
Krông Bông	87.139	Cư M'gar	163.600
Krông Buk	57.387	Cư Kuin	99.551
Krông Pak	198.009	Buôn Đôn	59.959
Krông Năng	118.223		

(Nguồn: Wikipedia)

Năm 2010 tổng GDP của tỉnh đạt 12.810 tỷ đồng, tăng gấp 1,7 lần so năm 2005. Thu nhập bình quân đầu người đạt 14,2 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế, chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

Trên tổng diện tích tự nhiên là 1.312.537ha, Đắk Lắk có diện tích đất lâm nghiệp 714.082,88ha, chiếm 54,4% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh. Rừng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội

của tỉnh Đắk Lắk. Rừng Đắk Lắk có diện tích và trữ lượng lớn nhất nước với nhiều chủng loại gỗ quý hiếm, nhiều loại cây đặc sản vừa có giá trị kinh tế vừa có giá trị khoa học, phân bố trong điều kiện thuận lợi nên tái sinh rừng có mật độ khá lớn. Khoáng sản với trữ lượng khác nhau, trong đó một số loại khoáng sản đã được xác định là sét cao lanh, sét gạch ngói, ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có nhiều loại khoáng sản khác như Vàng, photpho, than bùn, đá quý... có trữ lượng không lớn phân bố ở nhiều nơi trong tỉnh.

Tính đến ngày 31/12/2008 tổng diện tích rừng tại Đắk Lắk là 628.977ha, độ che phủ đạt 47,2% trong đó diện tích rừng tự nhiên là 574.493,4ha, rừng trồng là 54.484ha và rừng mới trồng chưa tính vào độ che phủ (< 3 tuổi) là 9.840ha. Diện tích rừng tự nhiên giảm 7.292ha so với năm 2006, nguyên nhân chủ yếu là do chuyển đổi mục đích sử dụng đất để trồng cây công nghiệp (cao su), xây dựng công trình thủy điện và trồng cây nông nghiệp khác. Chất lượng rừng tự nhiên vẫn tiếp tục bị suy giảm do tình trạng khai thác rừng trái phép, rút ruột rừng gây ra. Từ năm 2006 đến 2008, toàn tỉnh đã trồng được 22.697ha (phòng hộ: 6.760ha, đặc dụng: 342ha, sản xuất: 14.154ha), hỗ trợ trồng rừng sản xuất: 6.912ha và giao khoán quản lý bảo vệ rừng: 58.000ha/năm. Hiện nay, hầu hết đất trồng rừng phòng hộ còn lại đều ở vùng sâu vùng xa, địa hình cao, dốc, đất trồng rừng manh mún nên việc phát triển trồng rừng phòng hộ gặp nhiều khó khăn. Năm 2008, diện tích rừng trồng tăng 33.788 ha so với năm 2006, cùng với sản lượng rừng trồng tăng đáng kể do sử dụng các giống cây trồng có chất lượng tốt hơn. Diện tích rừng lớn, phân tán nên khó quản lý bảo vệ; lực lượng quản lý bảo vệ quá mỏng, ý thức chấp hành pháp luật của một số người dân thấp, tình hình dân di cư tự do phức tạp, nhu cầu đất canh tác và gỗ làm nhà cao nên nạn phá rừng và khai thác lâm sản trái phép vẫn tiếp diễn.

1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng

1.2.1. Cơ sở pháp lý về quản lý và bảo vệ rừng

Pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng có thể hiểu là tổng thể các nguyên tắc và quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động quản lý và bảo vệ rừng của công dân, tổ chức và cơ quan quản lý nhà nước. Nguồn pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng bao gồm:

1. Các điều ước quốc tế Việt Nam đã tham gia
2. Các tập quán;
3. Các văn bản quy phạm pháp luật được các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

1.2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam từ 1945- 1975

Xét từ thời điểm đất nước thống nhất ngày 2/9/1945, pháp luật thời điểm đó chưa có Bộ luật hình sự. Do hoàn cảnh lịch sử, nhiệm vụ trọng tâm lúc bấy giờ tập trung vào việc củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ vừa mới được thành lập, nên việc đấu tranh phòng chống các loại tội phạm tuy được Nhà nước quan tâm, nhưng chủ yếu ở các loại tội phạm xâm hại về an ninh chính trị và các loại tội đặc biệt nghiêm trọng khác như: giết người, cướp của, hiếp dâm... Các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ tài nguyên rừng giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954 chủ yếu được quy định trong các sắc luật, mà cụ thể là:

- Sắc lệnh số 26/SL ngày 25 tháng 2 năm 1946 về các tội phá hoại công sản;
- Sắc lệnh số 247/SL ngày 15 tháng 6 năm 1946 về âm mưu và hành động phá hoại tài sản của nhà nước, hợp tác xã và của nhân dân làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước;
- Thông tư số 1303 BCN/VN ngày 28 tháng 6 năm 1946 của liên Bộ nội vụ - Bộ canh nông, quy định điều chỉnh những hành vi xâm hại đến rừng;
- Sắc lệnh số 142/SL ngày 21 tháng 12 năm 1949 quy định về việc lập biên bản các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng.

Sau năm 1954, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm chú trọng tới hoàn thiện pháp luật bởi nó là công cụ sắc bén không thể thiếu của chính quyền cách mạng. Do đó, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội và quản lý đất nước, trong đó có nhiều văn bản liên quan trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên rừng, cụ thể là:

- Hiến pháp năm 1959 của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà: Điều 12 và Điều 40 có quy định cụ thể về nghĩa vụ bảo vệ rừng đối với mọi công dân
- Nghị định số 221-CP ngày 29/01/1961 của Hội đồng Chính phủ về việc phòng cháy và chữa cháy rừng;

- Pháp lệnh (Không số) ngày 27/07/1961 quy định về quản lý nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 220/CP ngày 28/12/1961 của Chính phủ quy định về quản lý của nhà nước đối với công tác phòng cháy chữa cháy;
- Pháp lệnh số 17/LCT ngày 05/04/1963 quy định về phòng cháy chữa cháy;
- Nghị định số 39/CP ngày 5/4/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về săn bắn, bắt chim, thú rừng;
- Pháp lệnh (Không số) ngày 23/03/1966 quy định về phòng cháy chữa cháy;
- Pháp lệnh (Không số) ngày 21/10/1970 về trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa;
- Pháp lệnh (Không số) ngày 6/9/1972 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc bảo vệ rừng
- Nghị định số 155/CP ngày 03/10/1973 của Hội đồng Chính phủ về việc thi hành pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng.

1.2.3. Quy định của pháp luật Việt Nam từ 1975- Nay

Nhiệm vụ trọng tâm của Nước ta giai đoạn 1975-1985 chủ yếu tập trung cho việc tái thiết đất nước và củng cố chính quyền cách mạng, nên chưa kịp thời xây dựng Bộ luật hình sự với đúng nghĩa của nó và cũng chưa có các văn bản pháp luật cụ thể để xử lý các tội phạm xâm hại đến tài nguyên rừng.

Nhận thức được thực trạng này, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương biện pháp để khai thác và bảo vệ tài nguyên rừng được tốt hơn, mà cụ thể là quy định trong Bộ luật hình sự Việt nam năm 1985 về loại tội phạm trong lĩnh vực tài nguyên rừng, cụ thể là các Điều 181.

Điều 181 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng... .

Bên cạnh đó, liên quan đến việc bảo vệ tài nguyên rừng, còn có thể vận dụng các Điều 194 và Điều 240 của Bộ luật hình sự năm 1985.

Đến năm 1999, nền kinh tế nước ta có nhiều biến chuyển tích cực, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá được đẩy mạnh, nhu cầu sử dụng đất rừng, tài nguyên rừng vào sản xuất, phát triển kinh tế và phục vụ cho sinh

hoạt của người dân được tăng cao đột biến. Đồng thời Đảng và Nhà nước đã đánh giá đúng vị trí, vai trò và tầm quan trọng của tài nguyên rừng đối với sự sống còn của loài người và sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội. Nên đã quyết tâm bảo vệ tài nguyên rừng bằng nhiều biện pháp, trong đó biện pháp sử dụng pháp luật hình sự được đặc biệt chú trọng. Chính vì lẽ đó mà trong lần sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999, Nhà nước đã có sự quan tâm sửa đổi bổ sung các điều luật liên quan trong lĩnh vực tài nguyên rừng, Từ chỗ chỉ có một điều luật quy định liên quan đến tài nguyên rừng thì Bộ luật hình sự năm 1999 được ban hành đã quy định tăng lên 6 điều luật, cụ thể:

- Điều 175 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

- Điều 176 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm quy định về quản lý rừng.

- Điều 189 Bộ luật hình sự về Tội hủy hoại rừng.

- Điều 190 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm.

- Điều 191 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên.

- Điều 240 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm các qui định về phòng cháy chữa cháy.

Việc quy định các điều luật cụ thể nêu trên không chỉ thể hiện sự quyết tâm, của Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ tài nguyên rừng, mà còn thể hiện tính khoa học trong qui trình lập pháp, đồng thời tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các cơ quan bảo vệ pháp luật để xử lý các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế phát triển bền vững.

Đối với hành vi vô ý làm cháy rừng, tuy Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định là một điều luật độc lập, song hành vi đó được nhà làm luật gộp chung vào hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Khái niệm “đạt được sức khỏe cao nhất có thể”, đề cập đến cả những tiền đề sinh học và kinh tế - xã hội của mỗi cá nhân và những nguồn lực sẵn có của các quốc gia. Những yếu tố về gen, về tiền sử xấu về sức

khỏe, hay lối sống không lành mạnh nằm ngoài nghĩa vụ của Nhà nước. Do vậy, quyền về sức khỏe phải được hiểu là quyền thụ hưởng những tiện nghi, hàng hóa, dịch vụ và điều kiện cần thiết cho việc đạt được mức độ sức khỏe cao nhất có thể.

- Điều 12 (1) của Công ước “mức độ sức khỏe thể chất và tinh thần cao nhất có thể đạt được” không giới hạn ở quyền được chăm sóc sức khỏe đơn thuần. Ngược lại, quyền về sức khỏe như được diễn đạt trong Điều 12 (K2) cho thấy quyền này bao quát một phạm vi rộng những yếu tố kinh tế, xã hội mà thúc đẩy những điều kiện giúp mọi người có thể có một cuộc sống khỏe mạnh, và mở rộng đến những nhân tố nền tảng quyết định đến sức khỏe của một con người, như lương thực, thực phẩm, dinh dưỡng, nhà ở, tiếp cận với nước sạch, điều kiện vệ sinh thích hợp, điều kiện làm việc an toàn, hợp vệ sinh và môi trường có lợi cho sức khỏe.

Vi vậy, Ủy ban giải thích: Quyền được chăm sóc sức khỏe, được quy định tại điều 12.1, là một quyền tổng hợp, mở rộng không chỉ liên quan đến việc chăm sóc sức khỏe đúng thời điểm và thích hợp, mà còn phản ánh cả những yếu tố quyết định cơ bản đến sức khỏe như tiếp cận nước sạch và nước uống, điều kiện vệ sinh đủ tiêu chuẩn, cung cấp đủ lương thực an toàn, dinh dưỡng và nhà ở, điều kiện môi trường và lao động lành mạnh, tiếp cận giáo dục, và thông tin liên quan đến sức khỏe bao gồm cả về sức khỏe tinh dục và sức khỏe sinh sản.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 2

CÁC TỘI XÂM PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung các tội xâm phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng

2.1.1. Khái quát về các tội xâm phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng

Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định 6 điều khoản liên quan tới bảo vệ nguồn tài nguyên rừng, cụ thể:

- Điều 175 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

- Điều 176 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm quy định về quản lý rừng.
- Điều 189 Bộ luật hình sự về Tội hủy hoại rừng.
- Điều 190 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm.
- Điều 191 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên.
- Điều 240 Bộ luật hình sự về Tội vi phạm các quy định về phòng cháy chữa cháy.

Thực tế nghiên cứu cho thấy, trong số 06 tội phạm này thì hoạt động quản lý và bảo vệ rừng là khách thể bị xâm phạm trực tiếp bởi các hành vi vi phạm ghi nhận tại Điều 175, Điều 176 và Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở lý luận về tội phạm, Tội vi phạm quy định về quản lý rừng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự của người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự xâm hại đến các quy định của Nhà nước về giao rừng, thu hồi đất rừng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng, khai thác vận chuyển gỗ.

2.1.2. Dấu hiệu pháp lý các tội phạm về quản lý và bảo vệ rừng

** Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175)*

Theo lý luận hình sự, ***khách thể của tội phạm*** là hệ thống các quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại, trực hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích và sự tồn tại của giai cấp thống trị được Nhà nước bảo vệ bằng các quy phạm pháp luật hình sự. Khách thể bao gồm khách thể trực tiếp và gián tiếp.

Khách thể trực tiếp của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng chính là các quan hệ xã hội thể hiện chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng. Thông qua việc bảo vệ các quan hệ xã hội này Nhà nước bảo vệ được trật tự quản lý kinh tế. Chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước bao gồm nhiều mảng quan hệ xã hội khác nhau trong các lĩnh vực như kinh doanh; buôn bán; thuế...

Luật hình sự của một số nước trên thế giới quan niệm khách thể của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng cũng có sự khác nhau nhất định tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội của mỗi nước.

Về đối tượng tác động của tội phạm: là rừng và các sản phẩm của rừng như gỗ và các lâm sản khác.

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm bao

gồm những dấu hiệu của tội phạm, diễn ra và tồn tại bên ngoài thế giới khách quan được đặc trưng bởi hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhân quả.

Về hành vi phạm tội, phân tích tội phạm về khai thác và bảo vệ rừng có thể thấy hành vi khách quan của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 bao gồm 04 loại hành vi:

Thứ nhất, hành vi khai thác trái phép cây rừng.

Thứ hai, hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng.

Thứ ba, hành vi vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép.

2.2. Tình hình tội phạm xâm phạm các quy định về quản lý và khai thác rừng

2.2.1. Tình hình các tội phạm vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn cả nước

Số liệu thống kê mới nhất của Tòa án nhân dân Tối cao cho thấy, từ năm 2007 đến 2014, TAND các cấp đã đưa ra xét xử 2.299 vụ án hình sự với 4.568 bị cáo phạm tội xâm phạm tài nguyên rừng, trong đó có 2.501 bị cáo phạm tội vi phạm các quy định khai thác và bảo vệ rừng; 2.028 bị cáo phạm tội hủy hoại rừng và 39 bị cáo phạm tội vi phạm các quy định về quản lý rừng. Số liệu trên cho thấy, tội phạm xâm phạm tài nguyên rừng chủ yếu là tội phạm vi phạm các quy định khai thác và bảo vệ rừng và tội phạm hủy hoại rừng.

Bảng 2.1: Số vụ và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong năm năm, từ năm 2005 đến năm 2013

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	133	140
2006	71	75
2007	161	186
2008	140	160
2009	176	202
2010	156	188
2011	164	201
2012	154	187
2013	165	198
Tổng cộng	1320	1537

Nhìn vào số liệu qua các năm từ năm 2005 tới năm 2013, số bị cáo cũng như số vụ vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng có xu hướng tăng, cụ thể so với năm 2005 thì số vụ năm 2009 tăng hơn 43 vụ và số lượng bị cáo bị truy tố trước pháp luật tăng hơn 62 bị cáo, từ năm 2009 tới nay số vụ và số lượng bị cáo bị truy tố không có nhiều thay đổi. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng và vi phạm khai thác, mua bán, vận chuyển và chế biến lâm sản cũng tăng đáng kể, cụ thể số vụ đã tăng tương ứng hơn 1.200 vụ và 2.200 vụ sau ba năm từ năm 2007 đến năm 2009. Các con số này thực sự đáng lo ngại và phản ánh xu hướng tội phạm vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng ngày càng có xu hướng mở rộng.

Bảng 2.2: Số vụ, số bị cáo phạm tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng so sánh với tội phạm nói chung của từng năm, từ năm 2005 đến năm 2013

Nhóm tội	Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng Số vụ/Số bị cáo	Tội phạm nói chung Số vụ/Số bị cáo	Tỷ lệ %
2005	133/140	55.237/91.224	0,24%/0,15%
2006	71/75	62.116/103.733	0,11%/0,07%
2007	161/186	62.793/107.518	0,25%/0,17%
2008	140/160	63.040/109.338	0,22%/0,14%
2009	176/202	65.462/114.344	0,26%/0,17%
2010	154/192	63.578/110.234	0,26%/0,14%
2011	137/180	62.897/110.389	0,19%/0,17%
2012	121/178	62.112/110.784	0,18%/0,18%
2013	113/187	61.892/111.098	0,17%/0,20%
Tổng cộng	1206/1500	559.127/968.662	0,22%/0,14%

Bảng 2.3: Số vụ vi phạm về khai thác, mua bán, vận chuyển và chế biến lâm sản so sánh với số vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng nói chung cũng như số vụ/số bị can bị xử lý về hình sự từ năm 2007 đến năm 2013

Năm	Số vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng	Số vụ vi phạm về khai thác, mua bán, vận chuyển và chế biến lâm sản	Số vụ/Số bị can bị xử lý hình sự
2007	39.693	25.561	328/332
2008	42.429	26.646	280/221
2009	40.841	27.757	323/207
2010	41.345	26.489	234/208
2011	40.284	25.014	434/394
2012	40.456	24.304	212/201
2013	42.056	22.405	345/403
Tổng cộng	287.104	178.176	2156/1966

Qua số liệu từ ngành tòa án và thống kê trong hoạt động kiểm lâm cho thấy tình hình tội phạm liên quan tới các hành vi vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng có xu hướng tăng trong giai đoạn từ năm 2005 tới năm 2013. Tuy nhiên, mức độ và số lượng các vụ vi phạm trong giai đoạn này nếu so sánh với các loại tội phạm khác thì chưa cao. Xem xét về tính chất của loại tội phạm này trong giai đoạn từ năm 2005 tới năm 2013, cho thấy tỷ lệ số vụ án khai thác rừng trái phép cao hơn nhiều so với tỷ lệ các vụ án vận chuyển buôn bán gỗ trái phép. Thủ đoạn của người phạm tội chủ yếu là dùng tiền hoặc những lợi ích vật chất khác để hối lộ cho các cán bộ kiểm lâm thoái hóa, biến chất để tiếp tay, tổ chức cho bọn lâm tặc khai thác rừng trái phép; lợi dụng việc được phép khai thác, tận thu, tận dụng gỗ để khai thác trái phép ngoài khu vực tận thu, tận dụng gỗ; lợi dụng việc ký kết hợp đồng mua bán gỗ giữa cơ quan Nhà nước với các công ty, đơn vị được giao quản lý rừng để bán vượt khối lượng gỗ cho phép...

2.2.2. Tội phạm trên địa bàn Đắk Lắk

Trong thời gian vài năm trở lại đây, tình hình khai thác rừng phá

rừng trái phép trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk diễn ra khá nghiêm trọng đặc biệt là tại các khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ. Chỉ trong 5 năm từ 2009 đến năm 2014, các cơ quan chức năng của địa phương này đã phát hiện và xử lý hơn 10.000 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng; bình quân có 5 vụ vi phạm/ngày.

Bên cạnh đó, tình trạng hủy hoại tài nguyên rừng còn có nguyên nhân do dân di cư tự do cư trú tại các huyện Ea Sup, Krông Bông, Lắk... lợi dụng việc chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt để trồng cao su đã chặt phá rừng để lấy gỗ, coi nới nương rẫy để sản xuất hoặc nhận đền bù.

Nguyên nhân: Qua phân tích các vụ án thấy rằng, bên cạnh các hành vi phạm tội mang tính chất đơn lẻ, đã xuất hiện nhiều trường hợp phạm tội có tổ chức, đặc biệt là các tội phá rừng, khai thác, vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép. Nhưng trên thực tế, số lượng vụ án hình sự có tổ chức nêu trên chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong số 2.299 vụ án hình sự đã đưa ra xét xử. Cụ thể, năm 2013, có hơn 27.200 đối tượng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng nhưng chỉ 117 đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, số đối tượng còn lại chỉ bị xử phạt hành chính.

2.3. Thực trạng xét xử các tội phạm về quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn Đắk Lắk

2.3.1. Thực trạng các tội vi phạm quản lý và bảo vệ rừng

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ngày 20/4/2005, Lâm trường Thuận Mẫn do Lê Khắc làm Giám đốc ký Hợp đồng kinh tế số 35/HĐKT với Công ty cổ phần Khai thác chế biến lâm sản (KTCBLS) Krông Búc, do ông Trần Nguyên Bằng làm Giám đốc để tổ chức khai thác 500 m³ gỗ tại Tiểu khu 119 do Lâm trường Thuận Mẫn quản lý. Đến tháng 6/2005, Công ty cổ phần KTCBLS Krông Búc khai thác được 500 lóng gỗ các loại. Ngày 25/10/2005, mặc dù Công ty cổ phần KTCBLS Krông Búc thanh toán toàn bộ số tiền lô gỗ đã nghiệm thu cho Lâm trường Thuận Mẫn, tổng cộng là 596.344.210 đồng nhưng Lê Khắc vẫn không ký hóa đơn xuất gỗ cho Công ty cổ phần KTCBLS Krông Búc và đòi thêm khoản chung chi ngoài hợp đồng. Để Lê Khắc ký hóa đơn xuất gỗ cho Công ty, ngày 1/12/2005, ông Tô Hiền Lương, Phó giám đốc Công ty cổ phần KTCBLS Krông Búc đã trao 233.300.000 đồng khoản tiền

chung chi ngoài hợp đồng cho Lê Khắc. Sau khi ký được hóa đơn và ra khỏi lâm trường, ông Lương đến thẳng Công an huyện Ea H'leo tố cáo hành vi nhận hối lộ của Lê Khắc. Nhận tin báo, Công an huyện Ea H'leo đã tổ chức khám xét và bắt tạm giam đối với Lê Khắc, tang vật thu được trong va li của Lê Khắc có 345.000.000 đồng (trong đó có số tiền 233.300.000 đồng mà Lê Khắc vừa nhận hối lộ); 16,3993 lượng vàng và một khẩu súng K54.

Quá trình điều tra, Lê Khắc đã thừa nhận có nhận của ông Tô Hiền Lương số tiền là 233.300.000 đồng. Nhưng ngay sau đó Lê Khắc đã phản cung không thừa nhận hành vi nhận hối lộ và cho rằng số tiền đó là do ông Lương bỏ vào giường ngủ nhằm hãm hại mình. Phiên tòa xét xử sơ thẩm của TAND tỉnh ngày 7, 8 và 9/5/2007 đã kết luận Lê Khắc không phạm tội vì chưa có đủ căn cứ để xác định bị cáo Lê Khắc phạm tội nhận hối lộ như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Sau đó, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/8/2007 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng, ông Tô Hiền Lương và ông Trần Nguyên Bằng đã đưa ra một cuốn băng ghi âm có nội dung ghi lại việc thỏa thuận giá cả chung chi ngoài hợp đồng giữa ông Bằng, ông Lương và ông Khắc trong cuộc gặp gỡ ngày 28/10/2005 giữa 3 người. Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng đã quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm số 103 ngày 9/5/2007 của TAND tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại... Sau 3 ngày xét xử, TAND tỉnh Đắk Lắk đã tuyên phạt Lê Khắc 13 năm tù giam về tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

2.3.2. Thực trạng áp dụng pháp luật

Do tính chất đặc thù về địa bàn cũng như trình độ dân trí, trình độ phát triển kinh tế của dân cư khu vực các huyện thuộc tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông, hàng năm công tác xét xử các tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ rừng khá phổ biến. Nhiều vụ án nghiêm trọng đã được tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Tây nguyên đã được đưa ra xét xử công khai. Cụ thể như:

- Năm 2014, TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án Đinh Phá Thiên (32 tuổi, ngụ tại xã Cư Mốt, huyện Ea H'leo) và đồng bọn phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Hội đồng xét xử đã tuyên phạt bị cáo Đinh Phá Thiên 03 năm tù, Nguyễn Văn Hằng và Phan Như Ngọc

01 năm 06 tháng tù, Phan Trần Duy Văn 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, Dương Thanh Nam 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Năm 2014: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã xét xử sơ thẩm đối với Chu Văn Lam, sinh năm 1987, nguyên Phó Ban quản lý Dự án quản lý và bảo vệ rừng của Công ty Kiến Trúc Mới, và Hồ Hữu Hiến, sinh năm 1966, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vinh Hiến về tội hủy hoại rừng. Hội đồng xét xử tuyên phạt Hồ Hữu Hiến bảy năm tù giam, Chu Văn Lam bốn năm tù về tội hủy hoại rừng; đồng thời, buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại cho ngân sách Nhà nước để trồng lại rừng đã bị phá.

- Năm 2013: tại thôn Đắk S'nao, xã Quảng Sơn (Đắk Glong), Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tổ chức xét xử lưu động đối với 2 bị cáo Giàng Seo Páo (SN 1990) trú tại thôn Đắk S'nao, xã Quảng Sơn và Giàng Seo Lử (SN 1995) trú tại thôn 16, Cư Kbang, Ea Súp (Đắk Lắk) vì tội phá rừng trái phép. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ Luật Hình sự, Hội đồng xét xử tuyên phạt Giàng Seo Páo 4 năm tù giam, Giàng Seo Lử 2 năm 6 tháng tù treo.

- Năm 2010: TAND tỉnh Đắk Lắk đã tổ chức xét xử lưu động phiên sơ thẩm vụ lâm tặc sát hại và đánh trọng thương cán bộ bảo vệ rừng Lâm trường Buôn Ja Wằm (xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, Đắk Lắk). Theo cáo trạng của Viện KSND Đắk Lắk, ngày 26-10-2009, Phạm Đức Dũng (SN 1970, ở phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ, Đắk Lắk) đã thuê Trần Văn Duy (SN 1985), Trần Xuân Minh (SN 1979), Nguyễn Hoàng (SN 1980) vào Tiểu khu 544 Lâm trường Buôn Ja Wằm khai thác gỗ trái phép. HĐXX đã tuyên phạt Duy 28 năm tù về tội giết người và cố ý gây thương tích, Minh 4 năm tù về tội chống người thi hành công vụ, Dũng 3 năm tù và Hoàng 2 năm tù về tội che giấu tội phạm.

Các vụ việc được xét xử lưu động cũng như xử công khai tại tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cho thấy tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm này cũng như xu hướng gia tăng của tội phạm này trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, nhiều bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật cũng được bộc lộ như: hình phạt áp dụng còn thiếu tính răn đe, hoạt động xét xử còn bị tác động bởi nhiều yếu tố bên ngoài tòa án khiến bản

án được ban hành đôi khi còn chưa thuyết phục, căn cứ tính giá trị vi phạm pháp luật về rừng còn nhiều kẽ hở khiến hoạt động áp dụng pháp luật gặp khó khăn... .

Chương 3

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng

Thứ nhất, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đặt ra mục tiêu và định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2020, được coi là giai đoạn bản lề của phát triển kinh tế, hoàn thiện thể chế và pháp luật. Theo đó, Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu “*Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch [...], xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật [...]*”.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam đã có một số văn bản quy định về tội xâm phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng. Phải kể tới như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các nội dung liên quan. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề này vẫn còn bất cập, thiếu thống nhất nên thường gặp vướng mắc trong khi giải quyết, đặc biệt là các quy định liên quan trong Bộ luật Hình sự.

Liên quan tới loại tội phạm xâm phạm tài nguyên rừng cũng như các loại tội phạm khác, định hướng cơ bản trong hoạt động xây dựng dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) lần này dự kiến như sau:

Một là, hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, cụ thể:

Hai là, thể chế hóa về mặt hình sự chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, tập trung vào các định hướng chính như:

Ba là, đổi mới quan niệm về tội phạm và hình phạt, về cơ sở của trách nhiệm hình sự, đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Trước hết, cùng với việc phi hình sự hóa thì cần thực hiện việc hình sự hóa theo hướng “*Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế*” mà Nghị quyết số 49/NQ-TW đã chỉ ra. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu đề xuất bổ sung vào BLHS quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Trong những năm qua, có những vụ việc do pháp nhân thực hiện, gây ra hậu quả hết sức nghiêm trọng, việc áp dụng các chế tài hành chính, dân sự với pháp nhân không đủ sức răn đe. Để ngăn chặn những vi phạm này cần quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân, như vậy sẽ làm thay đổi quan điểm truyền thống về tội phạm.

Bốn là, cần tiếp tục nghiên cứu nội luật hóa những qui định có liên quan của điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Định hướng này tạo điều kiện cho việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế trong các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, nhất là các điều ước quốc tế có liên quan đến phòng, chống tội phạm (như: Nghiên cứu hình sự hóa hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức đáp ứng yêu cầu của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; hoàn thiện quy định về tội mua bán người và tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em theo hướng phù hợp với yêu cầu của Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; sửa đổi, bổ sung tội rửa tiền).

Năm là, cần tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật lập pháp hình sự theo hướng nâng cao tính minh bạch, khả thi và tính dự báo trong các quy định của Bộ luật Hình sự; bảo đảm tính thống nhất về mặt kỹ thuật giữa Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự và giữa Bộ luật Hình sự với các luật khác.

Thứ ba, dựa trên các định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự chung như vậy, từ khi Bộ luật Hình sự 1999 được ban hành và có hiệu lực cho tới nay, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2009. Tuy nhiên, liên quan tới tội phạm liên quan tới hoạt động khai thác và bảo vệ rừng, Luật sửa đổi năm 2009 chỉ sửa đổi quy định tại Điều 190 về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Điều 191 về tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên.

Bên cạnh các quy định về pháp luật hình sự thì một số văn bản pháp luật khác cũng góp phần hỗ trợ cho công tác quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ rừng đã được ban hành trong thời gian qua như:

- Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

- Thông tư liên tịch số 100/2013/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 26/7/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020;

- Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ...

3.2. Một số đề xuất, khuyến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ rừng

Sau khi nghiên cứu những quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các quy định pháp luật khác liên quan về tội xâm phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng, tác giả xin đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về tội xâm phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng như sau:

Thứ nhất, sửa đổi quy định trong Bộ luật Hình sự về các tội phạm về quản lý và bảo vệ rừng

Thứ hai, sửa đổi quy định trong Bộ luật Hình sự theo hướng cập

nhật các tội phạm liên quan tới quản lý và bảo vệ rừng

Thứ ba, tăng cường tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng.

Thứ tư, cần tiếp tục tăng cường giám sát hoạt động thực thi pháp luật

KẾT LUẬN

Tài nguyên rừng là tài nguyên vô giá của mọi quốc gia và bốn phần của mỗi quốc gia, mỗi nhà nước và mỗi công dân là quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này trong quá trình phát triển. Thực trạng tài nguyên rừng tại Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh Đắk Lak nói riêng trong thời gian qua đã phản ánh tính chất nghiêm trọng của việc buông lỏng trong quản lý và bảo vệ rừng, cũng như việc xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật và giám sát thực thi pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng hiện nay đang gặp nhiều vấn đề và không vận hành hiệu quả. Về quy định pháp luật, các quy định hình sự hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa chung của luật hình sự cũng như chưa mang tính cập nhật đối với loại tội phạm này đã và đang ngày một gia tăng cả về số lượng lẫn tính chất tinh vi, có tổ chức và ngày càng táo tợn. Về phối hợp trong quản lý và thực thi pháp luật hình sự, những trường hợp móc nối, thông đồng, cấu kết giữa cơ quan thực thi pháp luật với lâm tặc khiến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn gặp nhiều khó khăn. Về hiệu quả thực thi các giải pháp hỗ trợ khác như tuyên truyền, xã hội hóa chính sách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn, một số phương thức thực hiện chưa hiệu quả khiến tình trạng vi phạm quy định quản lý và bảo vệ rừng vẫn còn tồn tại.

Trước thực tế đó, giải pháp ưu tiên để đảm bảo hiệu quả quản lý và bảo vệ rừng được ghi nhận là tiếp tục sửa đổi, bổ sung và cập nhật khung pháp lý hình sự cho phù hợp với tình hình mới cũng như phù hợp với định hướng, chỉ đạo xây dựng chính sách và pháp luật hình sự đã được Đảng và Nhà nước thông qua. Cùng với đó, tiếp tục cải cách về thể chế và cơ chế phối hợp trong công tác vận dụng pháp luật, tuyên truyền pháp luật và giám sát thực thi pháp luật tại địa phương cũng được coi là những giải pháp hỗ trợ cần thiết là cơ sở để góp phần nâng cao nhận thức, ý thức của cộng đồng, người dân đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số về ý nghĩa của tài nguyên rừng và nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng./.